MIRAE ASSET Securities

06 Tháng Tám 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường

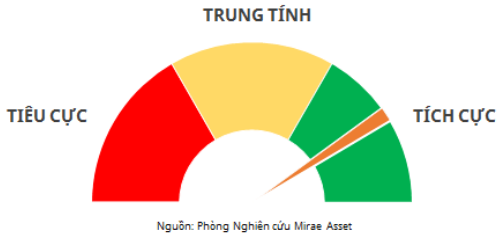

Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,341.45	2.40	-0.98	59.69
HNX	325.46	3.37	2.18	187.13
UPCOM	88.28	1.55	-0.89	57.30
MSCI EM	1,300.09	1.74	-3.45	17.49
NIKKEI	27,820.04	1.97	-2.87	24.10
HANG SENG	26,201.02	0.92	-6.67	5.10
KOSPI	3,270.36	2.12	-1.05	39.60
FTSE	7,110.45	1.11	0.13	17.98
S&P 500	4,429.10	0.23	1.97	32.25
NASDAQ	14,895.12	0.79	1.58	34.09

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.88	2.68	16.10
SET INDEX	26.59	1.61	6.34
JCI INDEX	N/A	2.10	-8.10
PCOMP INDEX	23.72	1.60	6.96

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.06	0	-4	-77
10 năm	2.19	3	-2	-76

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	22,936	0.05	0.32	1.00
US$/KRW	1,142	0.71	-1.09	3.63
US$/JPY	110	-0.02	0.81	-3.82
US$/EUR	0.85	0.39	0.02	0.48
US$/GBP	0.72	-0.13	-0.86	-5.59
US$/SGD	1.35	0.26	-0.24	1.33

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	757	782	571
HNX	140	107	80
UPCOM	44	44	35

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử

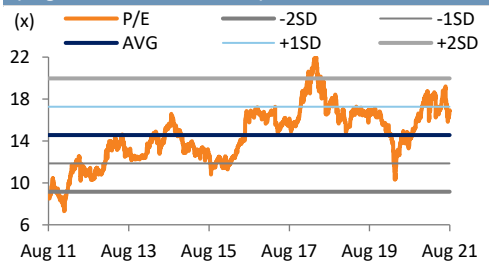

Nhận định thị trường

Tiếp tục hồi phục trong tuần, VN-Index chạm kháng cự 1.350

Tâm lý lạc quan của NĐT đã thể hiện ở chuỗi 4 phiên tăng điểm liên tiếp đầu tuần, kéo dài chuỗi tăng điểm lên 6 phiên. Trong phiên cuối tuần, chỉ số đã có lúc chạm ngưỡng 1.350 cùng với diễn biến tăng trên diện rộng, tuy nhiên áp lực bán bất ngờ tăng mạnh trong nửa cuối thời gian của phiên giao dịch cuối tuần kéo chỉ số rời xa ngưỡng kháng cự quan trọng này. Chốt tuần tại 1.341,45, VN-Index ghi nhận mức tăng 31,4 điểm (+2,4%) so với cuối tuần trước

Nhóm Ngân hàng đã không còn đóng góp nhiều cho VN-Index trong tuần khi chỉ có 3/10 mã xếp vị trí thứ 3, 9 và 10. VIC và VHM đã vươn lên dẫn dắt VN-Index với 2 vị trí cao nhất và đóng góp tổng cộng 10,6 điểm cho chỉ số trong tuần. Chiều giảm điểm cũng xuất hiện 3 cổ phiếu ngân hàng là ACB, CTG và VPB với mức ảnh hưởng -1 điểm.

Khối ngoại mua ròng cả 5 phiên trong tuần, với tổng giá trị đạt hơn 2.400 tỷ đồng VHM dẫn đầu danh sách mua ròng với giá trị đạt gần 1.000 tỷ đồng, bỏ xa vị trí thứ 2 và 3 là STB và SSI với giá trị mua ròng lần lượt đạt 602 và 522 tỷ đồng. Chiều bán ròng, VIC là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với giá trị 340 tỷ đồng.

Việc bất ngờ dừng bước tại ngưỡng 1.350 là diễn biến khiến chúng tôi cân nhắc khả năng ngưỡng này sẽ là thử thách quan trọng của VN-Index trong nhịp hồi phục này. Sau nhịp hồi phục gần 120 điểm trong 3 tuần, chỉ số có thể sẽ phải đối mặt với tuần điều chỉnh đầu tiên. Hỗ trợ quan trọng của VN-Index là vùng 1.300 – 1.310. Điểm số kĩ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+4 (KHẢ QUAN).**

Phạm Bình Phương, Analyst,84-8-39102222, phuong.pb@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	KHẢ QUAN
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	6	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	5	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	2	TRUNG TÍNH
Kospi	6	KHẢ QUAN
Nikkei 225	4	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	6	KHẢ QUAN
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Bản tin tuần

Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần, KBNN đã huy động thành công 7.313 tỷ đồng TPCP, đạt tỷ lệ 86% trên tổng lượng phát hành lần đầu và phát hành bổ sung, tỷ lệ Chào mua/ gọi thầu đạt 2,6 lần, cao hơn mức 2,4 lần của tuần trước. Cụ thể, kỳ hạn 5 năm phát hành thành công 613/ 1.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 1% (-5bps); Kỳ hạn 10 năm phát hành thành công toàn bộ 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,13%; Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 4.200/ 4.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,34% (-10bps) và kỳ hạn 20 năm phát hành thành công toàn bộ 500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,86% (-5bps)
- Tuần sau vào ngày 11/08 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 8.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 7 năm có giá trị 500 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 3.000 tỷ đồng và (4) kỳ hạn 30 năm có giá trị 2.500 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng**: Trong tuần 28/07 – 04/08, lãi suất liên ngân hàng giảm trên tất cả các kỳ hạn. Cụ thể kỳ hạn O/N, 1 tuần, 2 tuần lần lượt giảm về các mức 0,93% (-5bps), 1,14% (-12bps), 1,28% (-3bps). Các kỳ hạn dài hơn cũng ghi nhận các mức giảm lần lượt: Kỳ hạn 1 tháng giảm 16bps về 1,35%, kỳ hạn 3 tháng ghi nhận mức giảm 11bps về 1,82% và kỳ hạn 6 tháng giảm 2bps về 3,06%.
- Tỷ giá VND/USD tại ngày 06/08/21 của NHNN đã giảm 0,056% so với cuối tuần trước, về mức 23.167 VND/USD. Tỷ giá NHTM biến động cùng chiều, ghi nhận mức giảm lần lượt 0,088% và 0,087% ở chiều mua và chiều bán về mức 22.800 – 23.030 VND/USD. Trong khi đó, tỷ giá tự do đã tăng 0,325% chiều mua và 0,238% chiều bán về mức 23.155 – 23.215 VND/USD.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	**KHẢ QUAN**
VN30	4	**KHẢ QUAN**
VN30F1M	4	**KHẢ QUAN**
VN DIAMOND	6	**KHẢ QUAN**
VN FIN SELECT	5	**KHẢ QUAN**

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (02/07/2021)	1,341.45	Kháng cự 1	**1.350**
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2	**1.400**
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	**1.300**
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	**1.250**

VN-Index đang gặp kháng cự ngắn hạn tại ngưỡng 1.350, trong tuần sau khả năng thị trường sẽ chịu áp lực điều chỉnh ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của chỉ số là vùng 1.300 – 1.310. Điểm số kĩ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+4 (KHẢ QUAN).**

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)

Nguồn: Fireant

Nhận định phái sinh

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (06/08/2021)	1,472	Kháng cự 1	1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2	1.520
VN30 – đóng cửa	1.476	Hỗ trợ 1	1.480
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	-3.9	Hỗ trợ 2	1.450

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	4	KHẢ QUAN

VN30F1M đang được giao dịch tích lũy quanh ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn của mình và xu hướng vẫn chưa được rõ ràng. Để tránh rủi ro nhà đầu tư nên quan sát thêm và không nên mở vị thế mới trong giai đoạn này

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	**+ Long**	n/a
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	**+ Stop loss (Cắt lỗ)**	n/a
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	**+ Take profit (Chốt lời)**	n/a

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)

Nguồn: Fiinpro

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	17.05	5,728,595	7	KHẢ QUAN	5,060	12.2	1.0
ACB	35.55	9,864,905	4	KHẢ QUAN	96,054	9.9	2.4
AGR	14.05	2,332,915	4	KHẢ QUAN	2,967	8.5	1.3
ASM	13.3	2,418,660	6	KHẢ QUAN	3,443	7.6	0.7
BID	42.9	2,176,085	4	KHẢ QUAN	172,545	17.3	2.1
BSI	22.3	1,384,955	4	KHẢ QUAN	2,711	10.9	1.8
BSR	19.4	12,854,710	6	KHẢ QUAN	60,150	#N/A N/A	1.9
BVH	53.8	865,820	6	KHẢ QUAN	39,937	21.1	1.9
CII	17.15	1,859,145	7	KHẢ QUAN	4,097	308.2	0.9
CTG	34.15	16,357,060	6	KHẢ QUAN	164,116	9.3	1.8
CTR	82.7	894,175	2	TRUNG TÍNH	7,685	27.5	7.2
CTS	21.9	1,316,310	4	KHẢ QUAN	2,330	8.2	1.5
DBC	55.5	1,629,410	7	KHẢ QUAN	6,396	5.2	1.4
DCM	21.2	4,521,040	6	KHẢ QUAN	11,223	18.9	1.7
DGC	97.8	1,586,850	4	KHẢ QUAN	16,732	16.7	3.7
DGW	155	392,350	4	KHẢ QUAN	6,851	16.8	4.9
DIG	29.05	6,923,505	7	KHẢ QUAN	11,907	15.6	2.5
DPG	37.5	925,430	5	KHẢ QUAN	2,362	7.7	2.0
DPM	29	3,088,235	5	KHẢ QUAN	11,349	15.0	1.4
DRC	33.1	2,450,830	6	KHẢ QUAN	3,932	11.5	2.3
DXG	23.1	5,614,705	7	KHẢ QUAN	11,972	14.6	1.4
E1VFVN30	24.92	1,481,825	7	KHẢ QUAN	10,195	#N/A Field Not	#N/A Field
FIT	16.8	6,186,000	7	KHẢ QUAN	4,279	62.8	1.4
FLC	11.6	21,444,304	7	KHẢ QUAN	8,236	6.0	0.9
FPT	96.6	3,789,210	6	KHẢ QUAN	87,662	22.8	5.2
FRT	38.9	3,640,125	3	TRUNG TÍNH	3,072	163.5	2.5
GAS	92.4	680,585	2	TRUNG TÍNH	176,849	22.7	3.8
GEX	22.4	4,085,045	4	KHẢ QUAN	17,499	13.3	1.9
GIL	68	472,055	6	KHẢ QUAN	2,448	5.7	1.7
GMD	48.3	3,480,265	5	KHẢ QUAN	14,557	38.8	2.4
GVR	34.2	4,877,580	6	KHẢ QUAN	136,800	28.5	2.8
HAH	52	1,724,070	5	KHẢ QUAN	2,464	14.9	2.2
HBC	14.25	3,461,330	7	KHẢ QUAN	3,290	37.2	0.9
HCM	49.3	5,470,520	4	KHẢ QUAN	15,039	17.0	3.1
HDB	35	3,181,610	4	KHẢ QUAN	55,782	11.3	2.3
HDC	62	1,010,570	4	KHẢ QUAN	5,155	19.3	4.2
HDG	57.2	3,225,125	3	TRUNG TÍNH	9,360	8.1	2.6
HHV	18.8	1,983,330	5	KHẢ QUAN	5,027	32.2	0.8
HNG	7.64	9,455,745	2	TRUNG TÍNH	8,469	325.4	1.0
HPG	48.4	28,835,016	6	KHẢ QUAN	216,489	11.9	3.3
HSG	38	12,694,400	6	KHẢ QUAN	18,585	4.9	1.9
IDC	34.1	1,928,355	6	KHẢ QUAN	10,230	32.6	2.8
IJC	26.5	6,107,355	7	KHẢ QUAN	5,753	7.6	1.8
ITA	6.53	6,597,980	7	KHẢ QUAN	6,127	29.5	0.6
KBC	35.5	8,042,810	7	KHẢ QUAN	16,676	21.7	1.6
KDC	61.9	1,960,775	-2	TRUNG TÍNH	14,160	31.6	2.4
KDH	41.4	4,802,865	5	KHẢ QUAN	25,796	21.3	3.1
LPB	25.65	7,850,270	6	KHẢ QUAN	30,872	11.6	2.0
MBB	29.65	15,702,410	6	KHẢ QUAN	112,027	10.7	2.1
MBS	30.6	2,741,620	6	KHẢ QUAN	8,189	14.0	1.6
MSN	134.5	1,476,345	2	TRUNG TÍNH	158,782	105.0	9.8
MWG	171.5	1,144,875	6	KHẢ QUAN	81,509	18.9	4.7

NAF	32.8	1,393,610	6	KHẢ QUAN	1,560	26.8	2.4
NKG	38	6,024,545	7	KHẢ QUAN	6,916	4.7	1.5
NLG	43.8	3,309,420	4	KHẢ QUAN	12,495	11.2	1.9
NTL	31.6	1,625,990	4	KHẢ QUAN	1,927	6.3	1.7
NVB	26.1	4,190,655	4	KHẢ QUAN	10,618	978.4	2.5
NVL	107.5	2,693,755	6	KHẢ QUAN	158,413	34.8	5.0
PAN	27.8	1,377,295	7	KHẢ QUAN	5,807	29.6	1.6
PDR	93.5	3,126,220	4	KHẢ QUAN	45,513	32.2	8.2
PET	22.35	2,308,070	5	KHẢ QUAN	1,868	11.6	1.2
PLX	52.9	1,274,545	7	KHẢ QUAN	65,798	18.1	2.8
PNJ	96.2	680,580	6	KHẢ QUAN	21,873	16.5	3.8
POW	11	8,141,265	7	KHẢ QUAN	25,761	10.6	0.9
PTB	97.9	355,565	2	TRUNG TÍNH	4,758	12.0	2.4
PVD	18.6	5,447,660	6	KHẢ QUAN	7,833	121.6	0.6
PVS	25.3	10,353,435	6	KHẢ QUAN	12,093	21.8	1.0
PVT	19.1	3,063,250	4	KHẢ QUAN	6,182	8.4	1.2
REE	54	545,440	4	KHẢ QUAN	16,689	9.3	1.4
ROS	5.37	11,993,700	6	KHẢ QUAN	3,048	167.5	0.5
SBS	12.9	2,879,410	6	KHẢ QUAN	1,634	1,422.3	7.9
SBT	19.1	2,671,500	5	KHẢ QUAN	11,788	16.9	1.5
SCR	10.75	7,556,340	7	KHẢ QUAN	3,938	22.3	0.8
SHB	29	16,958,790	7	KHẢ QUAN	55,841	14.9	2.1
SHS	42.3	6,138,005	4	KHẢ QUAN	8,767	8.2	2.0
SMC	47.8	1,132,545	5	KHẢ QUAN	2,912	3.0	1.3
SSI	56.4	13,515,175	4	KHẢ QUAN	36,937	20.0	3.3
STB	30.3	29,087,524	6	KHẢ QUAN	57,122	15.8	1.8
SZC	44.3	1,340,725	5	KHẢ QUAN	4,430	17.7	3.3
TCB	51.8	20,533,896	6	KHẢ QUAN	181,554	11.2	2.2
TCH	18.85	5,817,555	4	KHẢ QUAN	7,524	7.4	1.3
TNG	22.7	2,008,840	4	KHẢ QUAN	1,805	10.0	1.4
TPB	35.5	5,804,720	6	KHẢ QUAN	38,044	8.5	1.9
TTF	7.37	3,970,345	6	KHẢ QUAN	2,294	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	98.1	1,692,050	4	KHẢ QUAN	363,841	17.2	3.6
VCI	54.4	4,388,860	6	KHẢ QUAN	18,115	15.7	3.4
VCS	120	413,895	2	TRUNG TÍNH	19,200	12.2	4.5
VGT	17.5	2,706,185	4	KHẢ QUAN	8,750	30.7	1.4
VHC	41.8	1,283,265	6	KHẢ QUAN	7,605	10.4	1.4
VHM	113.9	4,700,005	7	KHẢ QUAN	374,676	11.5	3.9
VIB	41.7	1,856,985	4	KHẢ QUAN	64,766	11.1	3.1
VIC	113.3	2,477,220	4	KHẢ QUAN	383,229	52.1	4.8
VIX	23.2	3,093,565	7	KHẢ QUAN	2,963	4.2	1.4
VJC	117.4	613,810	7	KHẢ QUAN	63,585	52.0	4.2
VND	50.1	8,721,960	4	KHẢ QUAN	21,494	14.8	3.8
VNM	87.2	3,038,970	6	KHẢ QUAN	182,244	19.1	5.8
VPB	60.6	12,272,890	6	KHẢ QUAN	148,758	12.0	2.5
VPG	45.85	779,900	-4	TIÊU CỰC	1,977	5.7	2.6
VPI	40.4	957,410	4	KHẢ QUAN	8,080	26.5	2.9
VRE	27.95	4,753,890	6	KHẢ QUAN	63,511	23.8	2.1

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Giá phân bón tăng kỷ lục, Trung Quốc tạm ngừng xuất khẩu

Theo Reuters, các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc cho biết quyết định tạm ngừng xuất khẩu phân bón được ban bố sau khi giá phân bón của một trong những nhà sản xuất lương thực hàng đầu thế giới tăng kỷ lục.

Theo dữ liệu hải quan, Trung Quốc là nhà xuất khẩu phốt phát hàng đầu thế giới. Trong nửa đầu năm 2021, nước này xuất khẩu 3,2 triệu tấn phân bón photphat diammonium và 2,4 triệu tấn urê sang Ấn Độ và Pakistan.

Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia (NDRC) thông báo cơ quan này triệu tập các doanh nghiệp sản xuất phân bón để trao đổi về việc tích trữ và đầu cơ. Tuy nhiên, danh tính của các công ty không được công khai.

Các nhà phân tích cho biết kỳ vọng các doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu nhà nước như Sinofert Holdings Ltd, Tập đoàn Sinoagri, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Trung Quốc (CNOOC) và Tập đoàn Than Quốc gia Trung Quốc sẽ nằm trong số những công ty hạn chế xuất khẩu.

Chứng khoán châu Á hầu hết giảm, chờ báo cáo việc làm của Mỹ

Chỉ số MSCI châu Á – Thái Bình Dương không gồm Nhật Bản giảm 0,37%.

Tại Nhật Bản, Nikkei 225 tăng 0,11% trong khi Topix giảm 0,12%.

Thị trường Trung Quốc đi xuống với Shanghai Composite giảm 0,36%, Shenzhen Component giảm 0,514%. Hang Seng của Hong Kong giảm 0,57%.

Chỉ số Kospi của Hàn Quốc giảm 0,26%. Cổ phiếu ngân hàng Kakao Bank có lúc tăng giá đến 74,36% so với giá phát hành trước khi đảo chiều, chỉ còn tăng hơn 60%.

ASX 200 của Australia giảm 0,07%.

Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ hôm nay ra quyết sách lãi suất.

Phố Wall ngày 5/8 tăng với Nasdaq và S&P 500 lập đỉnh lịch sử sau khi các doanh nghiệp tiếp tục ghi nhận lợi nhuận quý II tốt, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp hàng tuần giảm. Dow Jones tăng 271,58 điểm, tương đương 0,78%, lên 35.064,25 điểm. S&P 500 tăng 26,44 điểm, tương đương 0,6%, lên 4.429,1 điểm. Nasdaq tăng 114,58 điểm, tương đương 0,78%, lên 14.895,12 điểm.

Phố Wall tăng sau khi số liệu đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu đạt kỳ vọng. Thị trường hiện tập trung vào báo cáo việc làm tháng 7 của Mỹ, dự kiến công bố hôm nay.

Nguy cơ đứt gẫy chuỗi cung ứng do giãn cách kéo dài

Việc giãn cách kéo dài cùng với nhiều nhà máy tạm ngưng hoạt động do không thể đáp ứng tiêu chí "3 tại chỗ" đang khiến cộng đồng doanh nghiệp đứng trước nguy cơ đứt gẫy chuỗi cung ứng nội địa.

Tình trạng thiếu nguyên liệu, đứt gẫy chuỗi cung ứng là vấn đề đang đặt ra. Đồng Nai hiện có trên 1.000 DN trong các khu công nghiệp thực hiện "3 tại chỗ". Tuy nhiên, mỗi DN chỉ duy trì được khoảng 1/3 số lượng lao động ở lại làm việc. Các DN giày da, may mặc có hàng chục ngàn công nhân lại rất khó đáp ứng "3 tại chỗ". Việc giãn cách xã hội và ảnh hưởng của dịch tác động xấu đến kế hoạch sản xuất của các DN.

Theo khảo sát nhanh với 100 DN của Hiệp hội DN TPHCM, 5 tháng đầu năm 2021, các DN đang trên đà phục hồi, tăng trưởng nhưng do ảnh hưởng từ đợt dịch thứ 4, họ đang gặp nhiều khó khăn. Theo đó, 42% DN thiếu vốn kinh doanh, 54% khó tiếp cận thị trường…

VNBA đề xuất cho người dân, DN vay trong vùng phong toả được tạm hoãn trả nợ

Trước tình hình dịch COVID -19 căng thẳng nhiều nơi giãn cách, sáng 5/8, Hiệp hội ngân hàng (BNBA) đã họp với các tổ chức tín dụng thành viên để trao đổi bàn về các vấn đề xung quanh nhóm nợ ngân hàng theo Thông tư 03.

Cụ thể, theo VNBA, thời hạn cơ cấu nợ, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 03 (sửa đổi bổ sung Thông tư 01 của NHNN) chỉ còn hơn 4 tháng hết hiệu lực. Tuy nhiên, từ cuối tháng 4/2021, dịch

COVID-19 lần thứ 4 bùng phát mạnh, lan rộng tại nhiều tỉnh, thành phố, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và người dân.

Nhiều doanh nghiệp phản ảnh đang rất khó khăn do không có nguồn thu, không trả được nợ ngân hàng, không được cơ cấu các khoản vay theo Thông tư 01 và Thông tư 03, ảnh hưởng đến việc phân loại nhóm nợ. Các ngân hàng không thể cơ cấu nợ, tiếp tục cho vay khách hàng vì vướng quy định tại Thông tư 01 và Thông tư 03, nợ xấu có xu hướng tăng cao.

Căn cứ phản ảnh của các doanh nghiệp và các TCTD, VNBA đề xuất NHNN xem xét sửa đổi Thông tư 03, cho phép áp dụng cơ cấu nợ giữ nguyên nhóm nợ với khách hàng bị ảnh hưởng COVID-19 trong khoảng thời gian từ 23/01/2020 cho đến ngày liền kề sau 3 tháng kể từ ngày Thủ tướng công bố hết dịch COVID-19, thay vì đến 31/12/2021 như hiện nay.

Lãi dự thu tăng mạnh ở nhiều ngân hàng

Tại Techcombank, trong khi nợ xấu tiếp tục giảm xuống thấp nhất hệ thống, chỉ ở mức 0,4% thì lãi dự thu tăng khá mạnh. Ở thời điểm 30/6/2021, các khoản phải thu của ngân hàng là 23.489 tỷ đồng, tăng 42% so với đầu năm, đồng thời các khoản lãi, phí phải thu khác tăng 11% lên 5.736 tỷ đồng.

VietinBank cũng có xu hướng này khi các khoản phải thu tăng 35% lên 30.868 tỷ đồng; phí, lãi phải thu tăng 24% lên 9.694 tỷ đồng.

Tại VIB, các khoản phải thu của ngân hàng cuối tháng 6/2021 là 8.176 tỷ đồng, tăng gấp 4,5 lần so với hồi đầu năm. Các khoản lãi, phí phải thu khác ở mức 1.735 tỷ đồng, giảm nhẹ so với 1.798 tỷ đồng cuối năm 2020.

Các khoản phải thu của VPBank cũng tăng khá mạnh trong nửa đầu năm, khi các khoản phải thu tăng từ 17.409 tỷ đồng lên 26.882 tỷ đồng, tương đương tăng 54%. Hay tại Vietcombank, các khoản phải thu 53% lên 10.176 tỷ đồng.

Nhiều ngân hàng khác như MB, TPBank, SeABank,…cũng có lãi dự thu, các khoản phải thu tăng 2 con số trong 6 tháng đầu năm.

Hãng tàu ngoại tăng nhiều loại phí: Doanh nghiệp oằn mình

Số liệu của Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) cho thấy, gần 3 tuần nay, nhiều DN xuất khẩu gạo ở Đồng bằng sông Cửu Long đứng ngồi không yên khi sản lượng lúa gạo thu mua của nhiều doanh nghiệp (DN) đã giảm mạnh. Họ cũng gặp khó khăn do thiếu container vận chuyển, giá cước vận tải nội địa cao, nhiều loại chi phí phát sinh trong quá trình lưu thông.

Theo Hiệp hội Logistics Việt Nam, không chỉ doanh nghiệp ngành trái cây bị ảnh hưởng, doanh nghiệp ngành thủy sản, ngành gỗ cũng đang điêu đứng vì từ đầu tháng 6/2021 đến nay, khi cước vận tải container đi Mỹ tăng theo từng tuần. Đối với container lạnh, nếu tháng 4/2021 cước chỉ khoảng 7.500 USD thì tuần đầu tháng 7/2021, đã tăng gần gấp đôi, lên 13.000 - 14.000 USD/container. Hiện tại, chi phí vận chuyển một container 40 feet đi Mỹ đã chạm mốc 20.000 USD. Trong khi trước đó khoảng 2 tháng chỉ là 8.000 USD/container.

Không chỉ chặng đi Mỹ, cước chở container từ Việt Nam đi EU cũng tăng chóng mặt. So với tháng 4/2021, container được chở đến một số cảng biển tại Nga cước đã tăng lên 5.000 - 6.000 USD. Bên cạnh đó, việc đặt chỗ trên tàu ngày càng khó, gom vỏ container để xuất khẩu cũng là thách thức lớn với doanh nghiệp.

Theo đại diện Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam, thời gian gần đây, nhiều đối tác ở Mỹ và EU đã chuyển hướng qua mua tiêu từ Brazil, vì chất lượng tiêu không quá chênh lệch so với tiêu của Việt Nam nhưng quan trọng nhất là chi phí vận chuyển chỉ bằng 1/3 so với mua từ Việt Nam. Với thực tế này, ngành hàng hồ tiêu Việt có nguy cơ mất hoàn toàn khả năng cạnh tranh ở các thị trường Mỹ và EU.

Doanh nghiệp 'ngấm đòn' Covid-19, tiền nợ thuế tăng mạnh

Tin từ Tổng cục Thuế (Bộ Tài chính) cho hay, tới hết tháng 7, tổng số tiền thuế bị nợ do ngành này đang quản lý ước trên 116.800 tỷ đồng, tăng gần 23% so với thời điểm cuối năm 2020, và tăng 0,8% so với thời điểm cuối tháng liền trước.

Ngành thuế phân tích nợ tiền thuế cao và tăng mạnh như trên là do trong năm nay đã có 2 đợt bùng phát dịch Covid-19 với diễn biến phức tạp, nhiều địa phương phải áp dụng giãn cách xã hội. Đặc biệt, trong đợt bùng phát dịch lần thứ 4 đã tác động trực tiếp lên các khu công nghiệp, nhà máy sử dụng

nhiều lao động. Ảnh hưởng dịch bệnh dẫn tới khó khăn trong sản xuất kinh doanh, chưa nộp kịp thời tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước.

Trong tổng số nợ thuế trên, theo phân tích của Tổng cục thuế, nợ thuế có khả năng thu khoảng 60.300 tỷ đồng (chiếm trên 51%), số còn lại là tiền thuế không có khả năng thu hồi (trên 25.000 tỷ đồng) và tiền thuế nợ đang xử lý xóa, giảm, gia hạn...

Dù vậy, về tổng quan số thu ngân sách 7 tháng đầu năm nay, theo ngành thuế vẫn đạt khá và tăng trưởng vượt kế hoạch. Lũy kế 7 tháng qua, tổng thu ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý ước đạt trên 763.800 tỷ đồng, tăng trên 13% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, ngân sách trung ương thu trên 327.000 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước, ngân sách địa phương thu trên 436.000 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ. Số tiền thu thuế tăng được là nhờ khoản thu đến từ các doanh nghiệp nằm trong lĩnh vực tăng trưởng "nóng" thời gian vừa qua, như: ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, sản xuất và lắp ráp ôtô...

Hải An muốn đóng thêm tàu container 1.800 teu, giá cổ phiếu đã gần gấp 3

HĐQT Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HoSE: HAH) vừa phê duyệt phương án thương thảo, xác nhận ký hợp đồng đóng mới tàu chuyên chở container (1.800 teu) tại Trung Quốc. Tàu được thiết kế với chiều dài là 172 m, chiều rộng 28,4 m và chiều chìm 14,5 m.

HĐQT ủy quyền cho Tổng giám đốc Vũ Thanh Hải thực hiện thương thảo, ký kết hợp đồng cùng các công việc khác có liên quan.

Vào tháng 4 vừa qua, Hải An đầu tư thêm tàu mới HaiAn West (1.740 teu) và Hải An East (1.702 teu) sau khi đã mua tàu HaiAn View (1.577 teu) tại tháng 7 năm ngoái. Cùng với đó, doanh nghiệp thực hiện bán tàu có tuổi đời cao là HaiAn Song trong quý I. Động thái này cho thấy công ty đang nỗ lực trẻ hóa đội tàu nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải tăng cao cả ở nội địa và quốc tế bắt đầu từ quý IV/2020.

Tính đến nay, doanh nghiệp vận tải này đang sở hữu 8 tàu với tổng sức chứa lên đến 11.000 teu. Sau khi đóng xong tàu mới, Hải An sẽ nâng tổng lượng tàu sở hữu lên 9 chiếc với sức chứa 12.800 teu. Hiện tàu Hải An Link (1.060 teu) và Hải An East (1.702 teu) đang được cho thuê, 6 tàu còn lại được khai thác với giá cước vận chuyển một số tuyến nội địa được điều chỉnh tăng từ cuối năm ngoái, đáng chú ý là lộ trình từ khu vực Hải Phòng tới Cái Mép - Thị Vải đã tăng hơn 15% so với cùng kỳ.

Doanh thu TNG tháng 7 giảm do thiếu hụt container và giá cước vận chuyển quốc tế tăng cao

Đầu tư TNG (HNX: TNG) công bố doanh thu tháng 7 đạt 595 tỷ đồng, giảm 1,7% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do tác động của thiếu hụt vỏ container và cước vận chuyển quốc tế tăng cao. Lũy kế 7 tháng, doanh thu đơn vị đạt 2.965 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu TNG đã có chuỗi tăng lên tiếp kể từ tháng 2, theo dự kiến doanh thu tháng 7 cũng sẽ tăng nhẹ so với tháng 6 và đạt 625 tỷ đồng. Tuy nhiên, kết quả đạt được thấp hơn 4,8% so với dự báo.

Vingroup sắp phát hành hơn 420 triệu cổ phiếu trả cổ tức

Tập đoàn Vingroup - CTCP (Mã: VIC) vừa thông báo ngày 18/8 là ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu tỷ lệ 1.000:124,9999 (tương đương 12,49%). Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 17/8.

Với 3,38 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, dự kiến Vingroup sẽ phát hành thêm 422,8 triệu cổ phiếu để trả cổ tức đợt này cho cổ đông. Lượng cổ phiếu phát hành mới sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

Nguồn vốn phát hành được lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2020. Thời gian thực hiện chi trả cổ tức dự kiến trong quý III và quý IV năm nay. Sau khi phát hành, ước tính vốn điều lệ của tập đoàn sẽ đạt mức 38.052 tỷ đồng.

TTC Land (SCR): 6 tháng đạt 220 tỷ LNTT, cao gấp 3,5 lần cùng kỳ và thực hiện 95% kế hoạch năm

TTC Land (SCR) đã công bố BCTC hợp nhất quý 2/2021 với doanh thu thuần đạt 1.149 tỷ, tăng hơn 12 lần so với cùng kỳ năm trước. Trong kỳ, Công ty đã bàn giao 350 căn hộ/tổng số 639 căn thuộc dự án Carillon 7 tại quận Tân Phú, Tp.HCM.

Khấu trừ giá vốn, lợi nhuận gộp Công ty thu về 203 tỷ đồng, tăng gấp 9,5 lần. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất tương ứng đạt 182 tỷ đồng, tăng hơn 12 lần so với cùng kỳ.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu thuần hợp nhất Công ty đạt 1.199 tỷ đồng, tăng gấp 5 lần so với cùng kỳ năm 2020 và thực hiện gần 80% kế hoạch năm. Đồng thời, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 220 tỷ đồng, tăng 3,5 lần so với cùng kỳ năm 2020 và thực hiện đến 95% kế hoạch năm.

Đất Xanh (DXG): Nửa đầu năm doanh thu tăng 6,5 lần, LNST ghi nhận 1.189 tỷ đồng

Tập đoàn Đất Xanh (DXG) đã công bố BCTC hợp nhất quý 2/2021 với doanh thu thuần 3.563 tỷ đồng, tăng cao gấp 7,5 lần cùng kỳ. Lãi gộp tương ứng tăng 448% lên 1.957 tỷ đồng.

Trong kỳ, các khoản chi phí ghi nhận tăng mạnh, cụ thể chi phí bán hàng cao gấp 7 lần lên mức 701 tỷ đồng, chi phí quản lý cũng tăng hơn gấp đôi lên 189 tỷ đồng.

Khấu trừ, DXG báo lãi ròng 298 tỷ đồng trong quý 2/2021, cùng kỳ năm ngoái thua lỗ 556 tỷ đồng. Giải trình, DXG cho biết do quý 2 Công ty có khoản doanh thu tài chính từ hoạt động niêm yết của Đất Xanh Services (DXS).

Cùng với đó, quý 2/2020 Công ty phát sinh chi phí tài chính từ hoạt động bán cổ phần và chưa kịp ghi nhận doanh thu từ các dự án đã thực hiện. Trong khi sang quý 2 năm nay, DXG tiếp tục ghi nhận doanh thu lợi nhuận từ các dự án đã bán từ năm 2020. Song song, hoạt động môi giới, dịch vụ trong kỳ cũng phát triển tốt.

Luỹ kế 6 tháng đầu năm, Công ty đạt 6.535 tỷ doanh thu, cao gấp 6,5 lần cùng kỳ. Khấu trừ chi phí, Công ty lãi sau thuế 1.189 tỷ, nửa đầu năm ngoái lỗ hơn 374 tỷ đồng.

Nhà Khang Điền (KDH): Quý 2 lãi 265 tỷ đồng, chỉ tăng 5% so với cùng kỳ 2020

CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (Mã CK: KDH - sàn HOSE) đã công bố báo cáo tài chính quý 2/2021 và luỹ kế 6 tháng đầu năm 2021.

Theo đó, trong quý 2/2021, Khang Điền ghi nhận doanh thu đạt 1.112 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 265 tỷ đồng, lần lượt tăng 43% và 5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận gộp giảm từ 53% về chỉ còn 38%.

Trong kỳ, lợi nhuận gộp chỉ tăng 2% so với cùng kỳ đạt 426 tỷ đồng; chi phí tài chính tăng 24% so với cùng kỳ lên 23,5 tỷ đồng; chi phí bán hàng giảm hơn một nửa về 15 tỷ đồng và các hoạt động khác lỗ 10,3 tỷ đồng.

Luỹ kế 6 tháng đầu năm 2021, KDH đạt 1.948 tỷ đồng doanh thu thuần tăng 31% so với cùng kỳ, LNST đạt 472 tỷ đồng tăng 15,7% so với nửa đầu năm ngoái. LNST công ty mẹ là 470 tỷ đồng tương đương EPS đạt 760 đồng

Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets

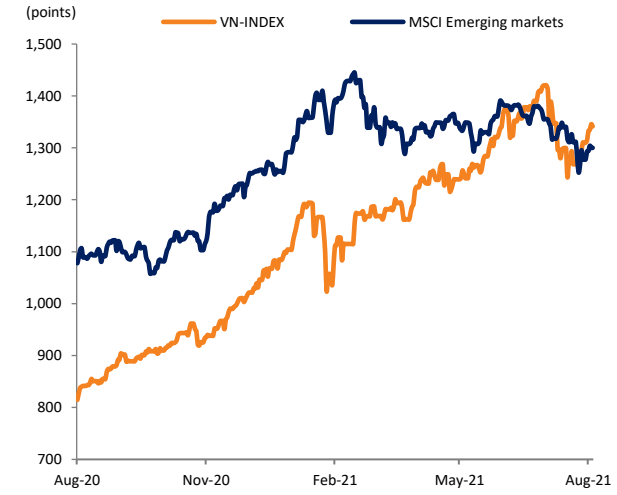

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND

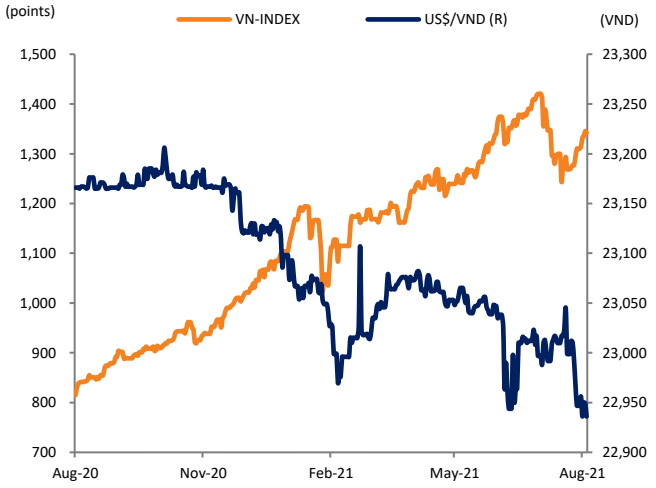

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài

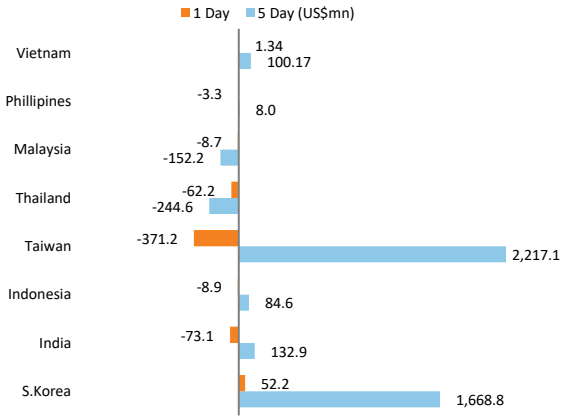

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND

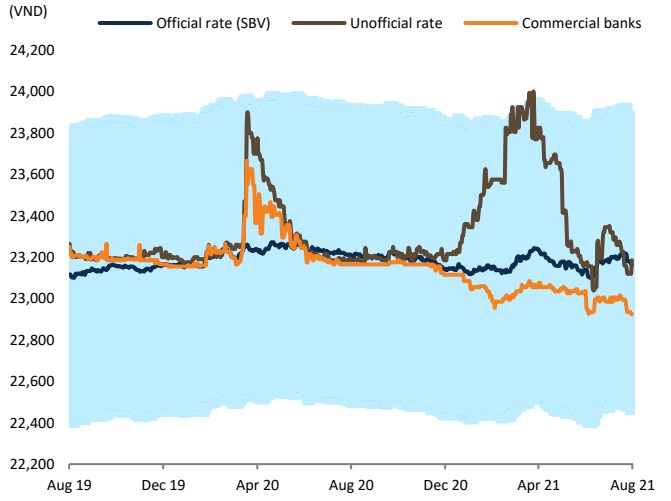

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ

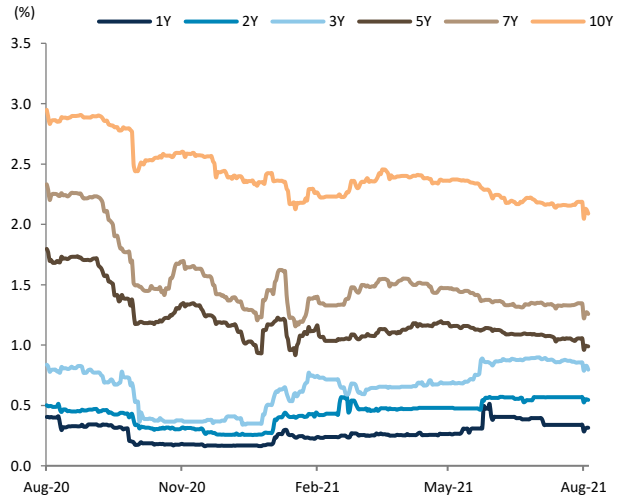

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng

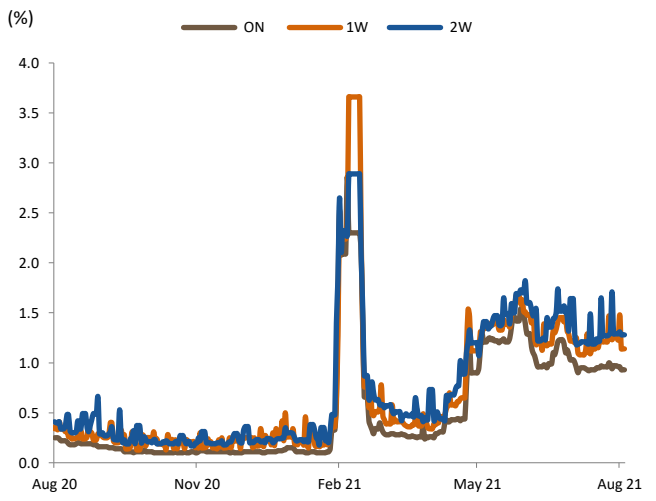

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá	Vốn hóa	Sở hữu khối ngoại	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
		(VND)	(VND bn)	(%)	1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	**VN30 Index**	**1,476.79**	**3,850,147**		**-0.7**	**2.0**	**-0.8**	**88.9**	**14.2**	**12.3**	**2.7**	**2.2**	**34.6**	**15.4**	**22.7**	**20.2**
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	35,550	96,054	30.0	-1.3	-1.7	-1.3	142.7	9.9	8.4	2.2	1.7	27.3	18.8	23.8	21.9
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	42,900	172,545	16.7	-0.1	4.4	-2.5	12.2	18.3	13.4	1.9	1.7	62.2	36.8	12.0	14.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	53,800	39,937	26.8	0.4	5.3	-3.8	18.6	23.3	20.7	1.9	1.8	11.2	12.8	8.4	9.0
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	34,150	164,116	24.5	-0.1	-0.7	-9.1	96.8	8.9	7.6	1.5	1.3	35.3	16.6	19.7	19.7
CTCP FPT	FPT VN	96,600	87,662	49.0	0.0	2.8	11.0	137.4	21.4	17.8	4.8	4.2	25.9	20.0	25.0	25.9
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	92,400	176,849	2.8	-1.5	3.1	7.7	32.9	18.4	15.7	3.3	3.1	24.5	17.0	19.2	20.4
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	34,200	136,800	0.7	-1.9	1.5	1.2	222.6	29.9	29.5	2.6	NA	125.1	1.4	9.2	9.0
Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM	HDB VN	35,000	55,782	18.2	-1.4	3.9	0.0	122.1	10.2	8.4	1.9	1.6	31.1	20.2	21.2	20.1
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	48,400	216,489	26.7	-0.8	2.3	0.8	171.7	7.5	7.3	2.3	1.8	127.4	1.7	38.3	28.5
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	41,400	25,796	30.7	1.0	1.7	14.7	93.2	21.4	15.6	2.8	2.3	3.2	37.2	14.0	16.7
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	29,650	112,027	22.1	-1.2	2.6	-0.2	184.1	10.0	8.6	1.8	1.5	34.8	16.8	21.7	21.0
Tập đoàn Masan	MSN VN	134,500	158,782	33.5	-0.4	0.4	23.4	149.5	57.1	33.4	7.7	6.2	17,163.1	70.9	12.9	17.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	171,500	81,509	49.0	-0.9	4.5	10.6	116.3	16.4	13.4	4.0	3.4	21.0	21.9	26.1	26.4
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	107,500	158,413	9.7	-0.5	3.4	-8.1	127.3	29.1	31.9	4.6	4.5	-658.2	-8.8	16.2	13.0
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	93,500	45,513	3.7	-0.3	1.1	-1.0	393.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	52,900	65,798	17.3	1.0	3.1	2.3	18.6	19.7	16.7	2.7	2.7	323.0	17.7	16.0	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	96,200	21,873	49.0	0.4	0.4	-3.4	73.0	17.3	13.7	3.6	3.0	29.3	26.4	23.4	24.0
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	11,000	25,761	3.0	1.9	2.8	-3.9	16.4	12.6	11.1	0.9	0.8	-12.5	13.6	10.2	7.7
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	155,200	99,527	62.7	-0.3	-2.4	-5.4	-15.0	19.8	16.8	4.3	4.0	9.8	17.9	24.3	25.6
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	56,400	36,937	49.8	-1.9	3.3	7.2	293.0	28.1	22.9	4.1	3.8	2.3	23.0	14.1	14.5
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	30,300	57,122	15.1	-2.4	1.3	-0.2	188.6	23.3	15.6	1.8	1.6	8.4	48.9	8.9	11.8
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	51,800	181,554	22.5	-1.3	1.4	-4.1	169.8	11.1	9.4	2.0	1.7	33.4	17.7	20.0	19.3
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	35,500	38,044	30.0	-1.1	1.4	-2.9	106.5	8.4	7.0	1.7	1.4	23.5	20.1	22.0	21.4
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	98,100	363,841	23.6	-1.3	0.1	-12.4	18.5	15.8	13.6	3.1	2.6	38.9	16.6	22.1	21.5
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	113,900	374,676	23.4	2.0	5.2	3.3	43.1	12.3	10.8	3.3	2.6	108.9	13.5	31.9	27.6
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	113,300	383,229	15.2	-0.6	5.7	1.2	29.5	61.5	60.7	4.3	3.9	-134.2	1.4	9.3	8.2
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	117,400	63,585	18.3	0.8	3.9	-1.6	16.2	156.5	24.0	3.4	2.8	-160.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	87,200	182,244	55.2	0.7	1.3	0.2	-8.9	18.0	16.9	5.6	5.3	1.1	6.7	32.6	33.7
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	60,600	148,758	15.4	-1.9	-0.7	-14.6	183.8	10.6	10.1	1.8	1.5	33.6	5.0	25.1	17.8
CTCP Vincom Retail	VRE VN	27,950	63,511	30.5	0.0	1.1	-5.3	6.1	25.5	19.2	2.1	1.8	4.6	32.9	7.9	10.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	**31.40**	**5,061,851**	**-0.3**	**2.4**	**-1.0**	**59.7**	**15.7**	**13.3**	**2.6**	**2.3**	**34.1**	**18.0**	**20.1**	**19.0**
Ô tô và phụ tùng	0.14	8,974	-0.1	6.3	7.6	73.7	7.5	6.7	1.4	1.3	30.5	11.4	12.5	12.8
Ngân hàng	4.03	1,636,016	-1.1	1.0	-6.9	76.0	13.2	10.7	2.1	1.8	34.5	20.7	19.4	18.8
Xây dựng cơ bản	1.13	178,579	0.6	2.8	4.3	76.7	7.0	5.3	0.5	0.4	12.0	26.5	7.6	8.1
Dịch vụ thương mại	0.03	4,785	0.8	2.7	5.1	34.2	7.7	5.5	NA	NA	10.8	39.0	9.2	12.2
May mặc và trang sức	0.24	44,587	-0.1	2.1	-0.3	131.0	12.7	10.4	2.5	2.2	38.1	23.3	17.5	18.0
Dịch vụ tiêu dùng	0.07	8,163	0.6	4.3	0.4	21.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dịch vụ tài chính	1.38	96,237	-1.4	5.7	1.9	268.9	17.4	13.7	2.8	2.5	18.9	28.7	12.7	13.7
Năng lượng	0.65	82,805	0.6	3.0	1.2	31.6	20.2	15.6	2.3	2.3	NA	28.9	13.9	14.6
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	0.42	534,407	0.2	0.3	5.5	44.0	28.0	19.8	5.1	4.5	47.8	30.8	20.1	21.9
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	844	-2.3	-0.4	3.8	14.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,892	0.2	-0.5	3.9	10.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.51	48,437	-0.3	4.1	-1.5	24.6	20.3	18.2	1.7	1.6	14.6	11.5	7.8	8.3
Nguyên vật liệu	3.67	498,234	-0.8	2.9	3.0	180.2	67.2	13.6	2.0	1.0	NA	-4.9	24.2	18.7
Giải trí và truyền thông	0.02	1,410	2.3	5.8	-3.6	-25.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.13	35,918	0.2	2.0	-6.9	33.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	14.28	1,226,450	0.3	1.4	0.6	25.8	8.7	7.6	1.5	1.0	9.6	13.0	9.0	9.3
Bán lẻ	1.00	90,687	0.6	4.5	0.4	69.3	28.9	27.9	3.2	2.8	13.9	18.2	16.1	14.3
Phần mềm và dịch vụ	0.73	93,057	-0.8	4.3	10.7	109.2	15.8	12.8	3.7	3.1	33.3	21.9	23.8	24.1
Thiết bị và phần cứng	0.07	6,851	0.1	3.0	11.5	134.0	20.2	16.8	4.5	3.9	28.2	21.5	23.5	24.4
Dịch vụ viễn thông	-0.01	1,299	0.0	4.2	21.6	261.7	16.6	13.9	4.5	3.5	50.6	19.6	25.7	23.7
Vận tải	1.43	177,327	3.2	-3.0	-24.7	231.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	2.03	259,481	0.8	3.6	5.2	46.0	66.1	12.6	22.2	1.6	NA	NA	-55.5	20.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	113,300	5.7	3,385,800	5.6
VHM VN	113,900	5.2	7,073,060	5.0
BID VN	42,900	4.4	2,570,380	2.0
GAS VN	92,400	3.1	1,004,880	1.5
NVL VN	107,500	3.4	3,127,420	1.4
HPG VN	48,400	2.3	25,327,860	1.3
MWG VN	171,500	4.5	1,070,720	1.0
BCM VN	44,700	6.9	119,080	0.8
MBB VN	29,650	2.6	15,944,000	0.8
TCB VN	51,800	1.4	16,848,100	0.7

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
SAB VN	155,200	-2.4	135,040	-0.7
ACB VN	35,550	-1.7	9,657,440	-0.4
CTG VN	34,150	-0.7	18,995,620	-0.3
VPB VN	60,600	-0.7	8,857,640	-0.3
VCG VN	42,600	-3.4	460,640	-0.2
TMS VN	53,100	-13.2	149,920	-0.2
VCF VN	237,100	-5.9	360	-0.1
REE VN	54,000	-1.8	426,680	-0.1
PSH VN	17,750	-11.0	1,207,440	-0.1
VGC VN	29,850	-2.0	239,780	-0.1

Nguồn: Bloomberg

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.